

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: GIÁO DỤC CÔNG DÂN– KHỐI LỚP: 12
(Năm học 2023 - 2024)

I. Đặc điểm tình hình

- 1. Số lớp: 9.....; Số học sinh:; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....**
2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 2 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 GV ; Đại học: 1 GV ;Trên đại học: 0 GV.
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp GV: Tốt: ; Khá: ; Đạt: .
3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu	1 (bộ)	Tiết học lý thuyết tại lớp	Có sẵn
2	Loa máy tính	1 (bộ)	Tiết học lý thuyết tại lớp	
3	Loa trợ giảng	1 (1 cái)	Tiết học lý thuyết tại lớp	
4	Máy tính	1 (cái)	Tiết học lý thuyết tại lớp	
5	Bảng nhóm	4 (cái)	Tiết học lý thuyết tại lớp	
6	Nam châm	20 (cục)	Tiết học lý thuyết tại lớp	
7	Giấy ro-ki	16 (tờ)	Tiết học lý thuyết tại lớp	
8	Bộ tranh ảnh liên quan đến từng chủ đề môn học (đã được liệt kê cụ thể trong Phụ lục III)	10 (bộ)	Tiết học lý thuyết tại lớp	

9	Màu nước, màu sáp,...	2 (bộ)	Tiết học thực hành vẽ sơ đồ tư duy	
10	Bút lông (đen, đỏ)	10	Tiết học thực hành lập KH tài chính cá nhân	
11	Giấy A4	1 (ram)	Làm việc cá nhân hoặc nhóm theo kỹ thuật phòng tranh, kỹ thuật khăn trải bàn, các trò chơi lồng ghép trong quá trình giảng dạy...	
12	Giấy note	3 (3 màu)	Dùng để tham gia các trò chơi khởi động và trò chơi lồng ghép trong các tiết dạy	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng thực hành Tin học	1	- Nơi GV và HS tra cứu, tìm kiếm những thông tin cần thiết phục vụ cho việc dạy và học môn GD&ĐT	
2	Sân trường	1	- Dạy trải nghiệm. - Tổ chức các hội thi, câu lạc bộ	
3	Phòng học bộ môn	1	- Hướng dẫn các bước lựa chọn các mô hình kinh doanh qua các hình ảnh, video...	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần (70 tiết); Trong đó: Học kỳ I: 18 tuần (36 tiết); Học kỳ II: 17 tuần (34 tiết).

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
1,2	Bài 1: Pháp luật và đời sống.	2	1. Về kiến thức : - Nêu được khái niệm, đặc trưng mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức. - Hiểu được vai trò của pháp luật đối với Nhà nước, xã hội và công dân. 2. Về kĩ năng : Biết đánh giá hành vi xử sự của bản thân và của những người xung quanh theo các chuẩn mực của pháp luật. 3. Về thái độ : Có ý thức tôn trọng pháp luật và luôn xử sự theo đúng quy định của pháp luật. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: trung thực, tự trọng, kỷ luật, công tâm. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống.	-Mục 2 “bản chất của PL” Hướng dẫn học sinh tự học -Mục 3a, 3b.Quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị. Khuyến khích học sinh tự học Bài tập 8 Không yêu cầu học sinh làm
3, 4, 5	Bài 2: Thực hiện pháp luật.	3	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật. - Hiểu được thế nào là vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. 2. Về kĩ năng Biết cách thực hiện pháp luật phù hợp với lứa tuổi.	Mục 1c: Các giai đoạn thực hiện PL. Không dạy - Tích hợp phòng chống tham nhũng

Tiết	Tên chủ đề /Bài học		Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)		(2)	(3)	(4)
				3. Về thái độ Tôn trọng pháp luật ; ủng hộ những hành vi thực hiện đúng pháp luật và phê phán những hành vi làm trái quy định của pháp luật. 4. Về phẩm chất, năng lực - Phẩm chất: trung thực, tự trọng, kỷ luật. -Năng lực chung + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các vấn đề liên quan đến pháp luật trong xã hội + Năng lực xử lý tình huống - Năng lực chuyên biệt + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình	
6, 7, 8, 9	Chủ đề: Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của	Bài 3: Công dân bình đẳng trước pháp luật. Bài 4: Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.	4	1. Về kiến thức - Hiểu được thế nào là công dân bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý. - Nêu được khái niệm, quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. 2. Về kỹ năng Biết thực hiện và nhận xét việc thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh. 3. Về thái độ - Tôn trọng quyền bình đẳng của công dân trong cuộc sống hằng ngày. - Phê phán những hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân. 4. Năng lực cần hướng tới -Năng lực chung + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các quyền bình đẳng trong các lĩnh vực xã hội. + Năng lực xử lý tình huống	-Mục 3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. Khuyến khích học sinh tự học Mục 1b, 2b, 3b. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, trong lao động, trong kinh doanh. Hướng dẫn học sinh tự học -Mục 1c, 2c, 3c. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng trong

Tiết	Tên chủ đề /Bài học		Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)		(2)	(3)	(4)
	đời sống xã hội.			- Năng lực chuyên biệt + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình	hôn nhân và gia đình, trong lao động, trong kinh doanh: Không dạy
10	Ôn tập		1	1. Về kiến thức - Giúp học sinh hệ thống hoá một số kiến thức cơ bản trong chương trình đã học. 2. Về kĩ năng - vận dụng được kiến thức vào hoạt động thực tiễn. 3. Về thái độ - Có ý thức tự giác. 4. Năng lực cần hướng tới + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các tri thức xã hội + Năng lực xử lý tình huống + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình	
11	Kiểm tra định kì		1	1. Về kiến thức: - Nhằm kiểm tra HS kiến thức học sinh đạt được; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả 2. Về kĩ năng - Chấp hành pháp luật trong cuộc sống 3. Về thái độ - Có ý thức tự giác. 4. Năng lực cần hướng tới + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các tri thức xã hội	- Xây dựng ma trận đề theo quy định - Xây dựng đề kiểm tra theo ma trận.

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
			+ Năng lực xử lý tình huống + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình	
12, 13	Bài 5: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.	2	1. Về kiến thức - Nêu được, nội dung, ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. 2. Về kỹ năng - Phân biệt được những việc làm đúng và sai trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. - Biết xử sự phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. 3. Về thái độ - Ủng hộ chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. - Có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo và phê phán những hành vi gây chia rẽ giữa các dân tộc, tôn giáo. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: trung thực, nhân ái, khoan dung; tự trọng, tôn trọng sự khác biệt.	Mục 1a. Khái niệm dân tộc: Không dạy Mục 1d, 2d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo: Khuyến khích học sinh tự học Câu hỏi/bài tập 1,4: Không yêu cầu học sinh làm
14, 15	Bài 6: Công dân với các quyền tự do cơ bản.	2	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa của một số quyền tự do cơ bản của công dân. - Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân. 2. Về kỹ năng - Biết thực hiện các quyền tự do về thân thể và tinh thần của công dân.	Mục 1a, 1b, 1c. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, Khuyến khích học sinh tự học

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
			- Phân biệt những hành vi thực hiện đúng và hành vi xâm phạm quyền tự do về thân thể và tinh thần của công dân. 3. Về thái độ - Có ý thức bảo vệ quyền tự do cơ bản của mình và tôn trọng quyền tự do cơ bản của người khác. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: Yêu gia đình, yêu quê hương đất nước; nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư; Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống	
16	Ngoại khóa	1	1. Về kiến thức Củng cố cho học sinh về sự cần thiết của pháp luật trong đời sống. 2. Về kỹ năng - Phân biệt những hành vi thực hiện đúng và hành vi vi phạm pháp luật của công dân. 3. Về thái độ - Có ý thức tìm hiểu pháp luật, tôn trọng pháp luật. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: Yêu gia đình, yêu quê hương đất nước; nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô tư. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống	
17	Ôn tập HK 1	1	1. Về kiến thức - Giúp học sinh hệ thống hoá một số kiến thức cơ bản trong chương trình đã học. 2. Về kỹ năng - Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong đời sống hàng ngày của bản thân mình. 3. Về thái độ - Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: nhân ái, khoan dung; trung thực, tự trọng, chí công vô	

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
			tr. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống	
18	Kiểm tra học kỳ 1	1	1. Về kiến thức - Nhằm kiểm tra mức độ đạt được của học sinh so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả 2. Về kỹ năng Kỹ năng làm câu hỏi TN 3. Về thái độ Làm bài nghiêm túc. 4. Năng lực cần hướng tới + Năng lực xử lý tình huống + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình	

HỌC KỲ II

Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
19, 20,	Bài 6: Công dân với các quyền tự do cơ bản (tiếp theo).	2	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa của quyền bất khả xâm phạm chỗ ở, quyền được đảm bảo an toàn thư, điện tín, quyền tự do ngôn luận. - Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân. 2. Về kỹ năng - Biết thực hiện các quyền tự do về thân thể và tinh thần của công dân.	Mục 1c ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm chỗ ở Khuyến khích học sinh tự học Mục 2a. Trách nhiệm của Nhà nước: Khuyến khích học sinh tự học

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
			- Phân biệt những hành vi thực hiện đúng và hành vi xâm phạm quyền tự do về thân thể và tinh thần của công dân. 3. Về thái độ - Có ý thức bảo vệ quyền tự do cơ bản của mình và tôn trọng quyền tự do cơ bản của người khác. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: nhân ái, trung thực, tự trọng, chí công vô tư. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống	Câu hỏi/bài tập 8:Không yêu cầu học sinh trả lời
21, 22, 23	Bài 7: Công dân với các quyền dân chủ.	3	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm, nội dung và cách thực hiện một số quyền dân chủ của công dân. - Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền dân chủ của công dân. 2. Về kĩ năng - Biết thực hiện quyền dân chủ theo đúng quy định của pháp luật. - Phân biệt được những hành vi thực hiện đúng và không đúng các quyền dân chủ của công dân. 3. Về thái độ - Tích cực thực hiện quyền dân chủ của mình. - Tôn trọng quyền dân chủ của mọi người. - Phê phán những hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: Trách nhiệm, nhân ái, trung thực, tự trọng, chí công vô tư. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống	Mục 1b. Những trường hợp không được thực hiện quyền ứng cử: Không dạy Mục 1b. Cách thức thực hiện quyền...:Khuyến khích học sinh tự học Mục 1c.2c, 3c. Ý nghĩaKhuyến khích học sinh tự học Mục 3b. Quy trình khiếu nại, tố cáo Hướng dẫn học sinh tự học Mục 4a. Trách nhiệm của Nhà nước: Khuyến khích học sinh tự học Câu hỏi/bài tập 1: Không yêu cầu học sinh làm Tích hợp phòng chống tham nhũng

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
24, 25,	Bài 8: Pháp luật với sự phát triển của công dân.	2	1. Về kiến thức - Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân. - Trình bày được trách nhiệm của công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân. 2. Về kĩ năng Biết thực hiện và có khả năng nhận xét việc thực hiện các quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân theo quy định của pháp luật. 3. Về thái độ Có ý thức thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển của mình ; tôn trọng các quyền đó của người khác. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, trung thực, tự trọng. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống.	Mục 2. Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân: Khuyến khích học sinh tự học Mục 3. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân: Hướng dẫn HS tự học Câu hỏi/bài tập 2: Không yêu cầu học sinh làm
26	Ôn tập	1	1. Về kiến thức - Giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức cơ bản đã học. 2. Về kĩ năng - Có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn . 3. Về thái độ - Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, trung thực, tự trọng. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống.	
27	Kiểm tra định kì	1	1. Về kiến thức - Nhằm kiểm tra HS kiến thức học sinh đạt được; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương	- Xây dựng ma trận đề theo quy định - Xây dựng đề kiểm tra theo ma trận.

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
			pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả 2. Về kĩ năng Chấp hành pháp luật trong cuộc sống 3. Về thái độ - Có ý thức tự giác. 4. Về phẩm chất, năng lực + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các tri thức xã hội + Năng lực xử lý tình huống + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình	
28, 29; 30	Bài 9: Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước.	3	1. Về kiến thức - Trình bày được một số nội dung cơ bản của pháp luật trong việc phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường 2. Về kĩ năng Biết thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo vệ an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật. 2. Về kĩ năng - Tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật về kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo vệ an ninh, quốc phòng. - Có thái độ phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về các lĩnh vực trên. 4. Về phẩm chất, năng lực + Năng lực nhận thức, tự tìm hiểu các tri thức xã hội + Năng lực xử lý tình huống + Biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong đời sống xã hội + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình	Mục 1. Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước: Khuyến khích học sinh tự học Mục 2b. Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển văn hóa: Khuyến khích học sinh tự học Mục 2d, 2e. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về quốc phòng, an ninh: Hướng dẫn học sinh tự học.

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	
				Câu hỏi/bài tập 4,5:Không yêu cầu HS làm
31,32	Thực hành, ngoại khóa.	2	1. Về kiến thức Củng cố cho học sinh về sự cần thiết của pháp luật trong đời sống. 2. Về kĩ năng - Phân biệt những hành vi thực hiện đúng và hành vi vi phạm pháp luật của của công dân. 3. Về thái độ - Có ý thức tìm hiểu pháp luật, tôn trọng pháp luật. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, tự trọng, kỷ luật. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống	
33, 34	Ôn tập học kỳ II.		1. Về kiến thức - Giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức cơ bản các bài học trong chương trình kỳ 2. 2. Về kĩ năng - Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong đời sống hàng ngày của bản thân mình. 3. Về thái độ - Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra. 4. Về phẩm chất, năng lực Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực, tự trọng, chí công vô tư. Năng lực: Tự học, sáng tạo; giải quyết vấn đề trong cuộc sống	
35	Kiểm tra học kỳ II.	1	1. Về kiến thức - Nhằm kiểm tra mức độ đạt được của học sinh so với yêu cầu của chương trình - Giúp GV đánh giá đúng quá trình học tập của HS qua cả năm học. 2. Về kĩ năng	

Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)
			Kỹ năng làm câu hỏi TN 3. Về thái độ Làm bài nghiêm túc. 4. Năng lực cần hướng tới + Năng lực xử lý tình huống + Biết vận dụng kiến thức để định hướng hành vi của mình	

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xuân Giao, ngày 16 tháng 08 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Dung

Cái Văn Hùng